

## TÀI CHÍNH - Y TẾ

**THÔNG TƯ liên tịch số 07/2002/TTLT-BTC-BYT ngày 21/1/2002 sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư liên tịch số 151/1998/TTLT-BTC-BYT ngày 20/11/1998 của liên Bộ Tài chính - Y tế hướng dẫn chế độ quản lý tài chính Quỹ bảo hiểm y tế.**

*Căn cứ Nghị định số 58/1998/NĐ-CP ngày 13/8/1998 của Chính phủ ban hành Điều lệ Bảo hiểm y tế; Liên Bộ Tài chính - Y tế hướng dẫn việc sửa đổi, bổ sung khoản 3 mục D và khoản 4 mục E Phần II của Thông tư liên tịch số 151/1998/TTLT-BTC-BYT ngày 20/11/1998 của liên Bộ Tài chính và Y tế hướng dẫn chế độ quản lý tài chính Quỹ bảo hiểm y tế như sau:*

**I. KHOẢN 3 MỤC D PHẦN II ĐƯỢC SỬA ĐỔI NHƯ SAU**

**1.** Hệ thống bảo hiểm y tế Việt Nam được trích 8,5% số tiền thực thu bảo hiểm y tế bắt buộc và được trích theo tỷ lệ quy định của cấp có thẩm quyền trên số thực thu bảo hiểm y tế tự nguyện được sử dụng hàng năm để chi cho hoạt động quản lý của bộ máy. Bảo hiểm y tế Việt Nam có trách nhiệm quản lý tập trung, cân đối và điều tiết việc sử dụng quỹ này trong toàn hệ thống.

**2.** Các khoản chi cho hoạt động quản lý thường xuyên của hệ thống bảo hiểm y tế Việt Nam (theo phụ lục đính kèm), không bao gồm

khoản chi mua sắm các tài sản cố định, xây dựng cơ sở vật chất được cấp từ nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản tập trung của ngân sách nhà nước.

**3.** Chi quản lý thường xuyên của hệ thống bảo hiểm y tế Việt Nam được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Tổng số chi quản lý thường xuyên của hệ thống bảo hiểm y tế Việt Nam không vượt quá số được trích theo tỷ lệ quy định tại khoản 1 mục I của Thông tư này.

- Mức chi gắn với nhiệm vụ và phù hợp với đặc điểm, điều kiện hoạt động của từng đơn vị trực thuộc.

- Đảm bảo công bằng, hợp lý giữa các đơn vị trực thuộc.

- Thúc đẩy việc sắp xếp lại tổ chức bộ máy tinh gọn, nâng cao hiệu quả hoạt động của toàn hệ thống bảo hiểm y tế Việt Nam.

- Chi phí mua sắm, sửa chữa tài sản cố định của hệ thống không thấp hơn 10% tổng chi quản lý thường xuyên được phép chi của hệ thống.

- Ưu tiên kinh phí cho việc nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác và bổ sung tiền lương cho cán bộ nhân viên theo kết quả công việc đã thực hiện.

- Thực hiện công khai tài chính theo quy định hiện hành.

**4.** Căn cứ kế hoạch thu bảo hiểm y tế được phê duyệt hàng năm và tình hình thực hiện kế hoạch, bảo hiểm y tế Việt Nam phân bổ kinh phí quản lý thường xuyên cho các đơn vị trong hệ thống. Hàng quý, bảo hiểm y tế Việt Nam được tạm trích quỹ quản lý bảo hiểm y tế để cấp kinh phí cho các đơn vị hoạt động theo kế hoạch đã được duyệt.



Kết thúc năm, căn cứ số thực thu bảo hiểm y tế toàn ngành để xác định chính thức số được trích quỹ quản lý bộ máy; nếu số đã chi thực tế vượt quá mức được trích thì phải trừ vào số được trích của năm sau.

5. Trong trường hợp, bảo hiểm y tế Việt Nam tiết kiệm chi phí quản lý thường xuyên hàng năm, số kinh phí dôi ra (số được trích trừ số chi thực tế) được sử dụng như sau:

a) Bổ sung tiền lương, tiền công cho người lao động trong toàn hệ thống theo kết quả hoàn thành công việc: Bảo hiểm y tế Việt Nam được áp dụng hệ số điều chỉnh mức tiền lương tối thiểu không quá 2,5 lần so với mức tiền lương tối thiểu chung do Nhà nước quy định.

b) Bổ sung tiền công cho lao động hợp đồng, lao động kiêm nhiệm trong các trường hợp cần thiết để đảm bảo hoàn thành công việc.

c) Bổ sung trợ cấp cho người lao động trong hệ thống khi thực hiện chính sách sắp xếp lại lao động, tinh giản biên chế theo chế độ quy định của Nhà nước.

Tổng giám đốc Bảo hiểm y tế Việt Nam xây dựng định mức và phương án xác định tiền lương, tiền công và trợ cấp bổ sung cho cán bộ nhân viên trong toàn hệ thống bảo hiểm y tế Việt Nam trình Hội đồng quản lý thông qua và tổ chức thực hiện.

d) Bổ sung hai quỹ khen thưởng và phúc lợi không quá 3 tháng lương thực tế toàn hệ thống bảo hiểm y tế (ngoài phần đã được trích lập từ lãi tiền gửi ngân hàng và tiền sinh lời thu được từ hoạt động bảo toàn và tăng trưởng quỹ bảo hiểm y tế).

e) Phần còn lại (nếu có) sau khi chi 4 nội dung trên được sử dụng như sau:

- 70% bổ sung vào quỹ dự phòng khám chữa bệnh tại bảo hiểm y tế Việt Nam.

- 30% bổ sung vào nguồn kinh phí chi quản lý thường xuyên của năm sau để tiếp tục sử dụng.

6. Việc đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn của cán bộ nhân viên trong hệ thống bảo hiểm y tế vẫn tính theo hệ số mức lương quy định tại Nghị định số 25/CP ngày 23/5/1993 của Chính phủ và mức lương tối thiểu hiện hành.

## II. KHOẢN 4 MỤC E PHẦN II ĐƯỢC SỬA ĐỔI NHƯ SAU

Số lãi tiền gửi ngân hàng và tiền sinh lời thu được từ hoạt động bảo toàn và tăng trưởng quỹ bảo hiểm y tế được phân bổ và sử dụng như sau:

Bổ sung nguồn vốn đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật của toàn hệ thống bảo hiểm y tế sau khi đã trích hai quỹ khen thưởng và phúc lợi bằng 3 tháng lương thực tế toàn hệ thống bảo hiểm y tế.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 1 năm 2002. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị phản ánh về liên Bộ để xem xét, giải quyết./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính  
*Thư trưởng*

NGUYỄN THỊ KIM NGÂN

KT. Bộ trưởng Bộ Y tế  
*Thư trưởng*

LÊ NGỌC TRỌNG

**Phụ lục****NỘI DUNG CHI QUẢN LÝ THƯỜNG XUYÊN CỦA HỆ****THỐNG BẢO HIỂM Y TẾ VIỆT NAM**

*(Kèm theo Thông tư liên tịch số 07/2002/TTLT-BTC-BYT ngày 21 tháng 1 năm 2002 của liên Bộ Tài chính - Y tế).*

Thứ tự	Mục	Tiểu mục	Nội dung chi
<b>Nhóm 6</b> <i>Tiểu nhóm 20</i>			<b>CHI THƯỜNG XUYÊN</b> <b>Chi thanh toán cá nhân</b>
1	<b>100</b>		<b>Tiền lương</b> 01 - Lương ngạch bậc 02 - Lương tập sự 03 - Lương hợp đồng dài hạn 99 - Lương khác
2	<b>101</b>		<b>Tiền công</b> 01 - Tiền công hợp đồng theo vụ việc 99 - Khác
3	<b>102</b>		<b>Phụ cấp lương</b> 01 - Chức vụ 02 - Khu vực, thu hút, đất đỏ 03 - Trách nhiệm 04 - Làm đêm, thêm giờ 08 - Phụ cấp đặc biệt của ngành 99 - Khác
4	<b>103</b>		<b>Học bổng học sinh, sinh viên</b> 03 - Học sinh sinh viên đào tạo trong nước 04 - Học sinh sinh viên đi học nước ngoài 05 - Sinh hoạt phí cán bộ đi học 99 - Khác
5	<b>104</b>		<b>Tiền thưởng</b> 01 - Thưởng thường xuyên 02 - Thưởng đột xuất 99 - Khác
6	<b>105</b>		<b>Phúc lợi tập thể</b> 01 - Trợ cấp khó khăn thường xuyên 02 - Trợ cấp khó khăn đột xuất 03 - Tiền tàu xe nghỉ phép năm 99 - Các khoản khác
7	<b>106</b>		<b>Các khoản đóng góp</b> 01 - Bảo hiểm xã hội (15%) 02 - Bảo hiểm y tế (2%) 03 - Kinh phí công đoàn (2%) 99 - Khác



Tiểu nhóm 21			Chi về hàng hóa, dịch vụ
8	109	01 02 03 04 99	<b>Thanh toán dịch vụ công cộng</b> - Thanh toán tiền điện - Thanh toán tiền nước - Thanh toán tiền nhiên liệu - Thanh toán tiền vệ sinh môi trường - Khác
9	110	01 03 04	<b>Vật tư văn phòng</b> - Văn phòng phẩm - Mua sắm, công cụ, dụng cụ văn phòng - Vật tư văn phòng khác
10	111	01 02 03 04 06 07 08 09 10 99	<b>Thông tin, tuyên truyền, liên lạc</b> - Cước phí điện thoại trong nước - Cước phí điện thoại quốc tế - Cước phí bưu chính - Fax - Tuyên truyền - Quảng cáo - Phim ảnh - Ấn phẩm tuyên truyền - Sách, báo, tạp chí thư viện - Khác
11	112	01 02 03 04 05 06 07 99	<b>Hội nghị</b> - In, mua tài liệu - Bồi dưỡng giáo viên, báo cáo viên - Vé máy bay, tàu xe - Tiền thuê phòng ngủ - Thuê hội trường, phương tiện vận chuyển - Các khoản thuê mướn khác - Chi bù tiền ăn - Chi phí khác
12	113	01 02 04 05 99	<b>Công tác phí</b> - Vé máy bay, tàu xe - Phụ cấp công tác phí - Khoản công tác phí - Tiền phòng ngủ - Khác
13	114	01 02 03 04 05 06	<b>Chi thuê mướn</b> - Thuê phương tiện vận chuyển - Thuê nhà - Thuê đất - Thuê thiết bị các loại - Thuê chuyên gia, giảng viên nước ngoài - Thuê chuyên gia, giảng viên trong nước

14	115	07	- Thuê lao động trong nước
		08	- Thuê đào tạo lại cán bộ
		99	- Chi phí thuê mướn khác
			<b>Chi đoàn ra</b>
		01	- Tiền vé máy bay, tàu, xe
		02	- Tiền ăn
		03	- Tiền ở
		04	- Tiền tiêu vật
		05	- Phí, lệ phí liên quan
		99	- Khác
15	116		<b>Chi đoàn vào</b>
		01	- Tiền vé máy bay, tàu, xe
		02	- Tiền ăn
		03	- Tiền ở
		04	- Tiền tiêu vật
		05	- Phí, lệ phí liên quan
		99	- Khác
16	117		<b>Sửa chữa thường xuyên tài sản cố định phục vụ công tác chuyên môn và duy tu, bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng</b>
		01	- Mô tô
		02	- Ôtô con, ô tô tải
		03	- Xe chuyên dùng
		04	- Tàu thuyền
		05	- Bảo trì và hoàn thiện phần mềm máy vi tính
		06	- Trang thiết bị kỹ thuật chuyên môn
		07	- Máy tính, máy phô tô, máy Fax
		08	- Điều hòa nhiệt độ
		09	- Nhà cửa
17	118	10	- Thiết bị phòng cháy, chữa cháy
		12	- Đường điện, cấp thoát nước
		99	- Các tài sản cố định và công trình hạ tầng cơ sở khác
			<b>Sửa chữa lớn tài sản cố định phục vụ chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng</b>
		01	- Mô tô
		02	- Ôtô con, ô tô tải
		03	- Xe chuyên dùng
		04	- Tàu thuyền
		05	- Bảo trì và hoàn thiện phần mềm máy vi tính
		06	- Trang thiết bị kỹ thuật chuyên môn
		07	- Máy tính, máy phô tô, máy Fax
		08	- Điều hòa nhiệt độ
		09	- Nhà cửa
		10	- Thiết bị phòng cháy, chữa cháy

18	119	12	- Đường điện, cấp thoát nước
		99	- Các tài sản cố định và công trình hạ tầng cơ sở khác
		<b>Chi phí nghiệp vụ chuyên môn từng ngành</b>	
		01	- Vật tư, thuốc, phiếu khám chữa bệnh
		02	- Trang thiết bị chuyên dụng (không phải là tài sản cố định)
		03	- In, mua ấn chỉ dùng cho chuyên môn của ngành
		04	- Đồng phục, trang phục
		05	- Bảo hộ lao động
		06	- Sách, tài liệu, chế độ dùng cho chuyên môn (Không phải tài sản cố định)
		14	- Hợp đồng bên ngoài về điều tra, khảo sát, quy hoạch, nghiên cứu khoa học
Tiểu nhóm 23 19	134	99	- Chi phí khác
		<b>Các khoản chi khác</b>	
		<b>Chi phí khác</b>	
		04	- Chi kỷ niệm các ngày lễ lớn
		09	- Chi các khoản phí, lệ phí
		10	- Chi bảo hiểm tài sản phương tiện
		11	- Chi hỗ trợ khác
		14	- Chi tiếp khách
		99	- Chi các khoản khác
		<b>Chi đầu tư phát triển</b>	
Nhóm 7 Tiểu nhóm 26 20	144	Chi đầu tư vào tài sản vô hình, hữu hình	
		<b>Mua sắm tài sản cố định vô hình</b>	
		03	- Mua phần mềm máy vi tính
		99	- Khác
		<b>Mua tài sản cố định</b>	
		01	- Mô tô
		02	- Ô tô con, ô tô tải
		03	- Ô tô chuyên dùng
		04	- Tàu thuyền
		05	- Đồ gỗ, sắt, mây tre, nhựa (cao cấp)
21	145	06	- Trang thiết bị kỹ thuật chuyên dụng
		07	- Máy vi tính, Photo, máy Fax
		08	- Điều hòa nhiệt độ
		09	- Nhà cửa
		10	- Thiết bị phòng cháy, chữa cháy
		11	- Sách, tài liệu, chế độ dùng cho CM
		99	- Các tài sản khác